

Bản án số: 201/2024/HS-ST

Ngày 24 - 04 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám.

Bà Dương Thị Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 218/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 03 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 04 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N; sinh ngày 02 tháng 08 năm 1981; nơi sinh: tỉnh Thanh Hoá; Nơi thường trú: Số nhà C H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: Phòng 12A07 Chung cư Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn D (*đã chết*); Con bà: Cao Thị H (*đã chết*); Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ 3; Chồng: Võ Thanh H1 (*đã ly hôn*), con: 02, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2008; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; Tạm giữ: Không. Tạm giam: Không. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Khắc T; sinh năm: 1980; nơi cư trú: Số nhà A Q, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

2. Anh Nguyễn Tiến Đ; sinh năm 1981; nơi thường trú: Số nhà A L, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Phòng A chung cư Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Từ ngày 13/04/2022 đến tháng 10/01/2024, Nguyễn Thị N đã cho một số người trên địa bàn thành phố T, tỉnh Thanh Hoa vay với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền. Hai bên thống nhất vay dưới hình thức “vay theo kỳ hạn tháng, không kể tháng 28, 29 hay 31 ngày”, ấn định lãi suất 3.000đ/1triệu/1 ngày, trả tiền mặt, thu tiền lãi từ tháng vay đầu tiên và trả tiền lãi vào hàng tháng . Cụ thể như sau:

1. Ngày 13/4/2022, Nguyễn Thị N cho anh Phạm Khắc T, sinh năm 1980, trú tại A Q, phường N, thành phố T vay số tiền 10.000.000đ. Mỗi tháng anh T trả cho N số tiền lãi 900.000đ tính đến ngày 10/01/2024 (ngày ngăn chặn). Tổng số tiền lãi N đã thu là: 18.900.000 đồng tương ứng với 21 tháng tiền lãi. Số tiền lãi được phép thu theo quy định là 3.490.411đ, số tiền lãi đã thu lời bất chính là 15.409.589đ. Đến tháng 2 năm 2024 anh T đã trả cho N 5.000.000đ, hiện còn nợ số tiền gốc là 5.000.000đ.

2. Ngày 14/12/2022, Nguyễn Thị N cho anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1981, trú tại phòng 12A03 chung cư Đ, phường T, thành phố T vay số tiền 10.000.000đ. Mỗi tháng anh Đ trả lãi cho N số tiền lãi 900.000đ, tính đến ngày 10/01/2024 (ngày ngăn chặn). Tổng số tiền lãi N đã thu là 11.700.000đ tương ứng với 13 tháng tiền lãi. Số tiền lãi được phép thu theo quy định là 2.147.945đ. Số tiền thu lời bất chính là: 9.552.055đ. Gói vay này anh Đ chưa trả tiền gốc cho N. Đến ngày 08/01/2023, N lại tiếp tục cho anh Nguyễn Tiến Đ vay tiếp số tiền 30.000.000đ. Mỗi tháng anh Đ trả lãi cho N số tiền 2.700.000đ tính đến ngày 10/01/2024 (ngày ngăn chặn), số tiền lãi thực tế đã thu là 32.400.000đ (tương ứng với 12 tháng). Tổng số tiền lãi Nết nhằm thu là: 32.580.000đ (tương ứng với 12 tháng 2 ngày). Số tiền lãi được phép thu theo quy định là: 6.032.877đ, số tiền lãi nhằm thu lời bất chính là: 26.547.123đ, số lãi thu lời bất chính đã thu 26.367.123đ. Gói vay này anh Đ chưa trả tiền gốc Nết.

Tổng số tiền gốc 3 lần Nguyễn Thị N cho anh Nguyễn Tiến Đ và anh Phạm Khắc T vay tổng số tiền là 50.000.000đ, khách đã trả 5.000.000đ và còn nợ lại 45.000.000đ, số tiền lãi Nết nhằm thu là: 63.180.000đ (trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của nhà nước là 11.671.000đ, số tiền lãi thu lời bất chính nhằm thu là 51.509.000đ; số tiền lãi Nết đã thu là 63.000.000đ (trong đó số tiền lãi thu theo quy định của nhà nước là 11.671.000đ, số lãi tiền thu lời bất chính đã thu là 51.329.000đ) tương ứng 109,5%, gấp 5,475 lần lãi suất quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về vật chứng:

- Đối với các giấy vay tiền mang tên Nguyễn Tiến Đ và Phạm Khắc T là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của Nguyễn Thị N được lưu giữ trong hồ sơ.

- Đối với các giấy vay, nhận tiền mang tên Nguyễn Đức T1, sinh năm 1978, trú tại B C, phường B, thành phố T và Hồ Trung T2, sinh năm 1978 trú tại C N, phường Đ, thành phố T. Quá trình điều tra xác định N cho anh T1 và T2 vay tiền không lãi suất nên không phải là vật chứng. Do đó, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý bằng hình thức trả lại cho Nguyễn Thị N.

Về dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tiến Đ, anh Phạm Khắc T yêu cầu N phải trả lại cho các anh số tiền đã thu lời bất chính vượt quá quy định của nhà nước.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 151/CT-VKSTP ngày 25 tháng 03 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) thành phố T, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Thị N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đồng ý với toàn bộ quan điểm và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo trình bày nghề nghiệp của bị cáo là kinh doanh tự do, thu nhập ổn định trung bình mỗi tháng là 9.000.000 đồng.

Quá trình điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày phù hợp với lời khai của bị cáo, nội dung bản cáo trạng.

Đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, Điều 46, Điều 47 BLHS đề nghị:

+ Về hình phạt chính: Xử phạt Nguyễn Thị N mức án từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập 5% đối với bị cáo Nguyễn Thị N với số tiền 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng trong thời cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước (Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Về hình phạt bổ sung: Xử phạt Nguyễn Thị N số tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

Đề nghị truy thu để tịch thu sung công quỹ nhà nước của bị cáo số tiền gốc đã cho vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi suất 20% theo quy định là 11.671.000 đồng. Tổng số tiền truy thu của bị cáo là 16.671.000 đồng.

Truy thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Khắc T số tiền 5.000.000 đồng là số tiền nợ gốc anh T vay N nhưng chưa trả.

Truy thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tiến Đ số tiền 40.000.000 đồng là số tiền nợ gốc anh Đ vay N nhưng chưa trả.

Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20% cho anh Phạm Khắc T là 15.409.589 đồng, làm tròn là 15.409.000 đồng.

Buộc bị cáo phải trả số tiền lãi suất thu vượt quá 20% cho anh Nguyễn Tiến Đ là 35.919.178 đồng, làm tròn là 35.919.000 đồng.

Ngoài ra Đại diện VKSND còn đề nghị về án phí, vật chứng.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở chứng minh: Do có mục đích lợi nhuận bất chính, từ ngày 13/04/2022 đến ngày 10/01/2024 (ngày ngăn chặn) tại địa bàn thành phố T, Nguyễn Thị N đã có hành vi cho anh Nguyễn Tiến Đ và anh Phạm Khắc T vay lãi nặng với tổng số tiền 50.000.000 đồng với mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Số tiền lãi thu lời bất chính nhằm thu là 51.509.000 đồng; số tiền lãi thu lời bất chính đã thu là 51.329.000 đồng.

Bị cáo nhận thức được việc “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Khi phạm tội bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 BLHS. Ý thức chủ quan của bị cáo là cho vay với lãi suất

109,5%/năm nhằm thu lời bất chính nên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 201 BLHS như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có 03 tình tiết giảm nhẹ như sau: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo đầu thú được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại đến quyền lợi của người vay. Vì vậy, cần phải được xử lý nghiêm minh để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên áp dụng Điều 36 BLHS cho bị cáo cải tạo tại địa phương để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị N với số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng)/ tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[5] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng bị cáo cho anh T và anh Đ vay, bị cáo mới thu được 5.000.000 đồng (từ anh T), số tiền gốc còn lại 45.000.000 đồng bị cáo chưa thu được của anh T 5.000.000 đồng và của anh Đ 40.000.000 đồng. Số tiền gốc này bị cáo không sử dụng để quay vòng vốn và cho khách vay lại mà khi người vay trả bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân và mua sắm đồ đạc hết nên xác định toàn bộ số tiền này là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Đối với khoản tiền lãi suất giới hạn 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự của 02 người vay anh T và anh Đ là 11.671.000 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm.

Do bị cáo là người dùng tiền của mình cho các khách vay và được hưởng lợi từ việc cho vay nên căn cứ Điều 47 BLHS truy thu bị cáo N số tiền gốc 5.000.000 đồng và 11.671.000 đồng tiền lãi suất tối thiểu 20%/năm theo quy định. Tổng là 16.671.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước. Số tiền gốc 5.000.000 đồng anh T chưa trả cho bị cáo và số tiền gốc 40.000.000 đồng anh Đ chưa trả cho bị cáo cần truy thu của anh T và anh Đ để nộp vào ngân sách nhà

nước.

- Đối với khoản lãi suất bị cáo thu vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự:

+ Anh Phạm Khắc T yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền lãi thu vượt quá quy định, do đó buộc bị cáo phải trả lại cho anh T số tiền 15.409.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Tiến Đ yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền lãi thu vượt quá quy định, do đó buộc bị cáo phải trả lại cho anh Đ số tiền 35.919.000 đồng.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo N cho vay với mục đích vụ lợi nên căn cứ khoản 3 Điều 201 BLHS áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 60.000.000 đồng đối với bị cáo N.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 46, Điều 47 BLHS; Điều 106, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố T, tỉnh Thanh Hoá nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ một phần thu nhập là 10% thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị N với số tiền 900.000đ (chín trăm nghìn đồng)/ tháng trong thời gian 18 (mười tám) tháng để sung quỹ Nhà nước (tổng thời gian khấu trừ thu nhập của bị cáo là 18 tháng, mỗi tháng 900.000đ). Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị N 60.000.000đ (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu từ bị cáo Nguyễn Thị N số tiền gốc 5.000.000đ (*Bằng chữ: Năm triệu đồng*) và 11.671.000đ (*Bằng chữ: Mười một triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng*) tiền lãi suất tối thiểu 20%/năm theo quy định. Tổng là 16.671.000đ (*Bằng chữ: Mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng*).

- Truy thu của anh Phạm Khắc T số tiền 5.000.000đ (*Bằng chữ: Năm triệu đồng*) để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Truy thu của anh Nguyễn Tiến Đ số tiền 40.000.000đ (*Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng*) để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị N trả lại số tiền lãi suất thu vượt quá quy định cho anh Phạm Khắc T số tiền 15.409.000đ (*Bằng chữ: Mười lăm triệu bốn trăm linh chín nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị N trả lại số tiền lãi suất thu vượt quá quy định cho anh Nguyễn Tiến Đ số tiền 35.919.000đ (*Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu chín trăm mười chín nghìn đồng*).

Án phí: Bị cáo Nguyễn Thị N phải nộp 200.000đ (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có ql, nv lq;
- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hoá;
- CA thành phố Thanh Hoá;
- THAHS, DS thành phố Thanh Hoá;
- VKSND thành phố Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tám

Dương Thị Phương

Nguyễn Thanh Tân